

PHÁT TRIỂN TIẾNG MẸ ĐỂ CHO TRẺ EM DÂN TỘC QUA MÔI TRƯỜNG GIAO TIẾP GIA ĐÌNH (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HOA Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH)

ĐINH LƯ' GIANG(*)

NGUYỄN HUỖNH LÂM(**)

TÓM TẮT: Ở cộng đồng người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhóm người Hoa càng trẻ thì trình độ tiếng mẹ đẻ của họ càng kém, và các động cơ hội nhập và động cơ công cụ đã dường như tạo nên một trạng thái tiệm cận với song ngữ loại trừ: tiếng Việt, tiếng Anh và một phần nào đó tiếng Trung được học và nói thay cho tiếng mẹ đẻ. Trên cơ sở thực trạng đó, bài viết gợi ý một số phương pháp tạo môi trường giao tiếp tiếng mẹ đẻ cho gia đình người Hoa với những đặc thù giao tiếp nhất định. Các phương pháp gợi ý bao gồm: Mỗi người một ngôn ngữ, Ngôn ngữ thiểu số tại nhà, Phương pháp thời gian và địa điểm, Chính sách pha trộn ngôn ngữ, Hoà mã tần số cao....

Từ khóa: tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ thiểu số, gia đình, giáo dục ngôn ngữ.

ABSTRACT: In Chinese ethnic diaspora in Ho Chi Minh city, younger people show lower proficiency in mother tongue. Their language learning integrational and instrumental motivations lead to a approximate subtractive linguicism: Vietnamese, English and in a certain extent Standard Chinese have been studied and spoken instead of the mother tongue. On that alarming situation, the paper suggest some of the methods to create native language environments in the family, with consideration of their communicative particularities. The suggested methods include One person one language, Minority Language at Home, Mixed language policy, Times and Places, High frequency Code-Mixing....

Key words: mother tongue, ethnic language, family, language education.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo thống kê, người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh chiếm khoảng 60% người Hoa cả nước. Người Hoa ở đây được xác định là những người đến Việt Nam từ sau cách mạng Tân Hợi 1911 và hậu duệ của họ. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, họ thuộc ít nhất 5 nhóm ngôn ngữ, được đặt theo tên hành chính địa phương: Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Hải Nam và Khách Gia, trong đó người Quảng Đông chiếm trên 50%, các nhóm Hải Nam và Khách Gia có số lượng rất ít và sống rải rác ở nhiều khu vực tại Thành phố Hồ Chí Minh, chiếm khoảng 10%.

Ở bình diện ngôn ngữ, ngoài tiếng Việt là ngôn ngữ giao tiếp chung và các tiếng địa phương với tư cách là tiếng mẹ đẻ, các nhóm người Hoa còn sử dụng tiếng Quảng Đông như là ngôn ngữ giao tiếp chung (Lingua franca) trong lĩnh vực giao tiếp (Domain) thương mại, buôn bán và sinh hoạt. Đặc biệt tiếng Quảng Đông đóng vai trò quan trọng trong giao tiếp nội bộ nhóm của người Khách Gia, do tiếng Hakka có các biến thể thổ ngữ mà những người Khách Gia không cùng nguồn gốc địa phương có thể gặp khó khăn trong giao tiếp.

Tuy các ngôn ngữ kể trên là tiếng mẹ đẻ của các nhóm người Hoa, chương trình giáo

(*)Tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

(**)Tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông tăng cường ngoại ngữ hiện nay chủ trương dạy tiếng Trung Quốc Tiêu chuẩn (標準漢語, âm Hán Việt là Tiêu chuẩn Hán ngữ), thường được gọi ở Việt Nam bằng những cách gọi khác nhau, không thống nhất và đôi lúc không chính xác như tiếng Trung, tiếng Hoa, tiếng Hoa phổ thông, tiếng Phổ thông Trung Quốc, tiếng Hán Phổ thông, tiếng Quan thoại (Chúng tôi thống nhất gọi ngôn ngữ này trong bài viết này là tiếng Trung).

Nếu như việc học và nhu cầu nghe nói tiếng Việt là kết quả của động cơ hội nhập (Integrational Motivation), thì theo kết quả khảo sát định lượng và định tính của chúng tôi, việc học tiếng Trung chủ yếu có động cơ công cụ (Instrumental Motivation, Gardner & Lambert, 1972). Vấn đề đặt ra là tiếng mẹ đẻ của các nhóm địa phương này được học như thế nào?

Cho đến nay, theo truyền thống của người Hoa, các ngôn ngữ này chủ yếu được dạy – học trong nội bộ gia đình, có tính chất truyền dạy, tương tự như việc truyền dạy các nghề thủ công, các kỹ năng, bí quyết, cách lưu truyền văn hoá tộc người của họ. Trước việc tiếng Việt ngày càng trở nên có vai trò quan trọng trong giao tiếp, nhất là với giới trẻ, trước nhu cầu ngày càng lớn của việc học tiếng Anh, tiếng Trung... tiếng mẹ đẻ của người Hoa có nguy cơ ngày càng mai một.

2. TÌNH HÌNH DẠY HỌC TIẾNG MẸ ĐẸ CỦA NGƯỜI HOA

2.1. Nhu cầu cá nhân và xã hội

Có thể thấy kết quả khảo sát nhu cầu học tiếng mẹ đẻ của người Hoa không cao: đánh giá trung bình của 50 giáo viên được phỏng vấn (chọn ở 4 trường điển cứu có chương trình tiếng Hoa tăng cường) ở mức 1.2/3 (1=không có nhu cầu đến 3=nhu cầu cao), thấp hơn so với tiếng Hoa phổ thông, tiếng Việt và chữ Hán. Nhu cầu không cao xuất phát từ tình hình ngày

càng ít sử dụng trong giao tiếp của các ngôn ngữ địa phương, đặc biệt là ở môi trường đô thị. Các ý kiến của giáo viên, phụ huynh về lý do nhu cầu thấp bao gồm:

Ý kiến giáo viên cho rằng tiếng mẹ đẻ ít sử dụng ở trường; học mà chỉ sử dụng trong phạm vi gia đình và địa phương một cách không rộng rãi; bản thân một bộ phận phụ huynh học sinh cũng ít giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ; chữ Hán khó học và khó viết; phạm vi sử dụng hẹp. Các giáo viên được phỏng vấn còn cho biết trong lớp học tiếng Hoa Phổ thông hay các môn học khác còn không khuyến khích các em nói tiếng mẹ đẻ do giáo viên không hiểu; trong lớp có học sinh Việt; cần tập trung vào học tiếng Việt (tiểu học) hay vào môn tiếng Hoa. Giáo viên còn đánh giá qua quan sát rằng giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ của học sinh với nhau, với giáo viên tiếng Hoa, với giáo viên khác và với gia đình lần lượt ở mức 1.3, 1.2, 1.1, 1.7/3 (1=không hay ít sử dụng đến 3=sử dụng chính) và như vậy là thấp nhất so với các ngôn ngữ khác.

11/50 phụ huynh trả lời phỏng vấn cho biết ngoài tiếng Hoa Phổ thông thì tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ cần học thêm. Số còn lại nhấn mạnh đến nhu cầu học tiếng Việt (tiểu học), tiếng Anh và Hoa phổ thông (trung học cơ sở) vì nhiều lý do thực tế. 7/27 phụ huynh tiểu học cho rằng con em họ nói tiếng mẹ đẻ tốt nhất so với các ngôn ngữ khác, trong khi đối với tiếng Việt là 12/27. Các con số với phụ huynh trung học cơ sở tương ứng là 5/23 và 15/23. Như vậy, bản thân phụ huynh cũng xác định nhu cầu và trình độ tiếng mẹ đẻ của con em mình thấp.

Nhu cầu thấp tất yếu dẫn đến tình hình dạy học không phổ biến. Dưới đây là tình hình dạy học tiếng mẹ đẻ ở cộng đồng người Hoa Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Các trung tâm dạy tiếng

Trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có một số trung tâm tổ chức dạy các tiếng địa phương nhưng không nhiều. Có thể điểm qua

một số đơn vị như Hội bảo trợ dạy môn Hoa văn Thành phố (tổ chức các lớp tiếng Quảng Đông bên cạnh lớp tiếng Hoa Phổ thông); Trung tâm ngoại ngữ Sài Gòn Vina (tổ chức các lớp theo khóa tiếng Quảng Đông, Triều Châu, tiếng Phúc Kiến); Trung tâm Hoa văn Thương mại Thành phố SHZ (tổ chức các lớp theo khóa tiếng Quảng Đông); Trung tâm Ngoại ngữ TOCA EDUCATION (cung cấp các khóa học theo lớp hoặc cá nhân tiếng Quảng Đông); Trung tâm Hoa văn Mạch Kiếm Hùng (mở lớp tiếng Quảng Đông và cùng lúc kết hợp với Hội quán Tuệ Thành tổ chức các giao lưu tiếng Quảng Đông); Hội Quán Nghĩa An (mở lớp dạy tiếng Triều Châu). Tuy nhiên, rất hiếm thấy các khóa học tiếng Phúc Kiến, Khách Gia và Hải Nam được tổ chức thành lớp, mà nguyên nhân có lẽ do nhu cầu giao tiếp thấp và cộng đồng sử dụng các ngôn ngữ này cũng không đáng kể.

2.3. *Dạy theo dạng gia sư, dạy kèm*

Ngoài các trung tâm tổ chức lớp học tập trung, hình thức dạy kèm tại nhà (gia sư) cũng tạo cơ hội cho các đối tượng muốn học các tiếng Quảng Đông, Triều Châu tại nhà. Các quảng cáo (chủ yếu trực tuyến) cho thấy rất nhiều nơi tổ chức dạy kèm tiếng Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu với mức học phí không cao hơn tiếng Anh, Pháp.

2.4. *Dạy tại nhà*

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, việc học tiếng mẹ đẻ chủ yếu được thực hiện ở nhà qua thụ đắc tự nhiên (giao tiếp) hay được các thành viên trong gia đình (chủ yếu thành viên lớn tuổi có khả năng ngôn ngữ - ông bà hay cha mẹ), truyền dạy lại cho con cháu. Tình hình dạy tiếng địa phương tại nhà do nhiều yếu tố quyết định, phản ánh đặc thù của từng gia đình.

Ngoài việc học tiếng mẹ đẻ (tiếng địa phương) ra, việc một bộ phận nhỏ người Hoa học tiếng Quảng Đông như là ngôn ngữ giao tiếp thứ hai có nguyên nhân thực tế: cộng đồng người Quảng Đông tại Thành phố Hồ

Chí Minh là cộng đồng lớn trong đó thành phần doanh nhân, kinh doanh buôn bán sỉ và lẻ tại các khu vực đông người Hoa tạo ra nhu cầu lao động nói tiếng Quảng Đông, chủ yếu là lao động thời vụ và đơn giản. Các hoạt động đầu tư của người Đài Loan ở một số hình thức kinh doanh vừa và nhỏ cũng tạo nên nhu cầu tiếng Quảng Đông.

3. PHÁT TRIỂN TIẾNG MẸ ĐỂ CHO TRẺ EM NGƯỜI HOA TRONG MÔI TRƯỜNG GIA ĐÌNH

Từ những thực tế đáng lưu ý đó, nhằm tạo điều kiện giữ gìn tiếng mẹ đẻ của các nhóm người Hoa địa phương, chúng tôi đề xuất một số hình thức phát triển tiếng mẹ đẻ tại gia đình. Phụ huynh, người thân trong gia đình hoàn toàn có thể tạo môi trường giúp trẻ em người Hoa có thể phát triển tiếng mẹ đẻ một cách tự nhiên. Cũng cần lưu ý là các ngôn ngữ địa phương của người Hoa đều sử dụng hệ chữ Hán Phồn thể, vì vậy các phương pháp gợi ý chỉ áp dụng cho phát triển các kỹ năng nghe nói (Oracy).

3.1. *Một người một ngôn ngữ (One Person One Language - OPOL)*

Đây là phương pháp đã được giới thiệu hơn 100 năm nay, lần đầu tiên do nhà ngôn ngữ học Maurice Grammont đề xuất vào năm 1902 (dẫn theo Suzanne Barron - Hauwaert, 2004). Cũng có một cách nói khác về phương pháp này là “One parent one language”, tuy nhiên, về bản chất không có sự khác biệt. Phương pháp này chủ yếu nhấn mạnh đến việc mỗi một thành viên lớn trong gia đình cần nhất quán sử dụng một ngôn ngữ để nói chuyện với trẻ. Ví dụ người mẹ sẽ luôn nói tiếng mẹ đẻ là tiếng Quảng Đông còn người cha sẽ nói với chúng bằng tiếng Việt, hoặc ngược lại. Các thành viên lớn khác trong gia đình cũng nên xác định ngôn ngữ họ luôn nói với trẻ. Các thành viên nên chọn ngôn ngữ Việt hay tiếng địa phương nào mình sử dụng tốt hơn. Cách tiếp cận OPOL thường được xem là phương pháp tốt nhất để dạy đứa trẻ hai ngôn ngữ, vì nó được cho là

phương pháp ít tạo ra sự pha trộn nhất. Nó cũng đảm bảo đứa trẻ có được sự tiếp xúc thường xuyên với cả hai ngôn ngữ.

Phương pháp này yêu cầu sự tận tâm và nỗ lực có ý thức của cha mẹ rất nhiều để tránh sự lẫn lộn các ngôn ngữ. Theo một nghiên cứu của Naomi Goodz (1989) thì các ông bố có khuynh hướng kiên định với OPOL hơn các bà mẹ -

như là một đặc trưng tâm lý. Ngoài ra, thường không tránh khỏi việc có sự lẫn lộn ngôn ngữ trong các thành viên tham gia OPOL, nhất là khi các chủ đề giao tiếp vốn đa dạng và có sự đụng chạm đến sự phân công chức năng ngôn ngữ, mà đối với người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh, được xác định qua khảo sát 450 đối tượng, như bảng 1.

Bảng 1. Phân công chức năng các ngôn ngữ trong cộng đồng người Hoa Thành phố Hồ Chí Minh

Lĩnh vực giao tiếp	Tiếng mẹ đẻ	Ngôn ngữ thứ 2	Tiếng phổ thông	Hoa văn	Tiếng Việt
Gia đình	+3	0	0	+1	+3
Hành chính	0	0	0	+1	+3
Thương mại	+2	+2	0	0	+2
Giáo dục	+2	+1	+1	0	+3
Tôn giáo	+3	0	0	+2	+1

3.2. Ngôn ngữ thiểu số tại nhà (*Minority Language at Home – ML@H*)

Phương pháp này có sự phân biệt giữa giao tiếp trong gia đình hoàn toàn bằng tiếng mẹ đẻ và giao tiếp bên ngoài bằng các ngôn ngữ khác.

Khi nói một ngôn ngữ, trẻ em cần sự hỗ trợ trong quá trình tập nói, vì vậy nhiều bậc phụ huynh cảm thấy rằng ngôn ngữ thứ yếu cần phải được hỗ trợ nhiều hơn. Trong trường hợp này, nhiều gia đình áp dụng phương pháp ML@H, nghĩa là cả cha và mẹ ưu tiên nói tiếng mẹ đẻ tại nhà. Phương pháp này sẽ tạo nên môi trường đơn ngữ tiếng mẹ đẻ cho trẻ nhỏ. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý về tính tự giác và chức năng – vốn rất mạnh – của tiếng Việt.

3.3. Phương pháp Thời gian và Địa điểm (*Time and Place – T và P*)

Phương pháp Thời gian và Địa điểm thường được sử dụng ở những trường học song ngữ hay trong gia đình song ngữ. Phương pháp này phân bổ thời gian và địa điểm sử dụng ngôn ngữ. Ví dụ như cả buổi sáng sử dụng một ngôn ngữ và buổi chiều một ngôn ngữ khác. Có thể sự phân bổ là sáng/chiều, ngày/đêm, ngày chẵn/lẻ, ngày trong tuần/cuối tuần. Các gia đình

người Hoa tùy vào hoạt động riêng, lứa tuổi của trẻ em và khả năng song ngữ trong gia đình mà phân bổ phù hợp.

Các gia đình cũng có thể linh hoạt điều chỉnh phương pháp này cho phù hợp, hoặc cũng có thể chia theo mùa. Ví dụ ngôn ngữ chính được sử dụng trong hầu hết thời gian làm việc, còn ngôn ngữ thứ yếu sẽ được sử dụng vào cuối tuần hay mùa hè, khi gia đình đi du lịch, khi học sinh nghỉ hè.

3.4. Chính sách pha trộn ngôn ngữ / *Mixed Language Policy (MLP)*

Với MLP, cha mẹ lựa chọn ngôn ngữ sử dụng theo tình huống, chức năng ngôn ngữ. Với sự phân công chức năng ngôn ngữ cá nhân của người Hoa (bảng 2), cha mẹ hay người lớn tuổi có thể chọn tình huống phù hợp, giữa tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ.

3.5. Hoà mã tần số cao trong giao tiếp (*HFCM - High frequency code - mixing*)

Với phương pháp HFLM, cha mẹ, thành viên trong gia đình cần có ý thức sử dụng hai dạng mã (tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ) khi giao tiếp dưới hình thức hoà mã, nghĩa là đang nói tiếng Việt thì sử dụng một hai từ tiếng mẹ đẻ cho những từ/ngữ/khái niệm cần dạy và ngược

lại. Ngoài ra, còn có thể sử dụng hình thức sử dụng song song hai mã ngôn ngữ. Hình thức này có thể không giúp trẻ người Hoa học các

câu giao tiếp tiếng mẹ đẻ, nhưng sẽ có ý nghĩa đáng kể.

Bảng 2. Phân bố chức năng ngôn ngữ trong các nhóm cá thể song ngữ Hoa – Việt

Chức năng ngôn ngữ	Cận đơn ngữ Việt	Song ngữ trội tiếng Việt (TV)	Song ngữ trội tiếng mẹ đẻ (TMD)	Song ngữ cân bằng khẩu ngữ	Cận đơn ngữ tiếng mẹ đẻ
Biểu cảm	TV	TV = TMD	TMD > TV	TMD = TV	TMD
Quy chiếu	TV	TV > TMD	TMD > TV	TMD = TV	TMD
Câu khiến	TV	TV > TMD	TMD > TV	TMD = TV	TMD
Đưa đẩy	TV	TV > TMD	TMD > TV	TMD = TV	TMD
Thi ca	TV	TV	TMD = TV	TMD = TV	TMD
Siêu ngôn ngữ	TV	TV	TMD = TV	TMD = TV	TMD

4. KẾT LUẬN

Vai trò của gia đình rất quan trọng trong việc phát triển các ngôn ngữ của trẻ em, từ tiếng mẹ đẻ đến ngôn ngữ thứ hai và cả ngoại ngữ. Tuy nhiên, điều quan trọng là cha mẹ, người lớn phải có ý thức về việc tạo môi trường thực hành/giao tiếp ngôn ngữ cho con em mình. Cộng đồng người Hoa đã định cư ở Việt Nam nhiều thập kỷ và đã trở thành những công dân tích cực đúng nghĩa. Tuy vậy, nhiệm vụ giữ gìn

tiếng mẹ đẻ - ngôn ngữ di sản của người Hoa là nhiệm vụ không chỉ của bản thân cộng đồng người Hoa, các tổ chức xã hội như Hội quán người Hoa, Hội bảo trợ dạy học Hoa văn hay câu lạc bộ giáo viên dạy tiếng Hoa... mà của cả ngành giáo dục. Cần thiết phải có kế hoạch tổ chức việc học tiếng mẹ đẻ cho người Hoa, song song với tiếng Trung như là một ngoại ngữ gần gũi (do chia sẻ những điểm chung của hệ chữ Giáp thể - hệ chữ cải cách từ Phồn thể).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Xuân Biên (1995), *Luận cứ khoa học cho việc xác định chính sách đối với cộng đồng người Khmer và người Hoa ở Việt Nam*, Đề tài khoa học công nghệ Cấp nhà nước KX.04.12.
2. De Houwer, Annick. "Bilingual Language Acquisition." *The Handbook of Child Language*. Ed. Paul Fletcher and Brian MacWhinney. Blackwell, 1996. Blackwell Reference Online.
3. Mạc Đường (1993), *Giáo dục ngôn ngữ và sự phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số phía Nam*, Nxb. Khoa học xã hội.
4. Nghị Đoàn (1999), *Người Hoa ở Việt Nam - Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Gardner, R. C., & Lambert, W. E. (1972). *Attitudes and motivation in second language learning*. Rowley, MA: Newbury House.
6. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb. Giáo dục Việt Nam
7. Suzanne Barron-Hauwaert (2004), *Language Strategies for Bilingual Families: The One-parent-one-language Approach*, Multilingual Matters.
8. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Cảnh huống và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 12/12/2017. Ngày biên tập xong: 27/12/2017. Duyệt đăng: 02/01/2018